**Chương 1**

# ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)

## MỤC TIÊU

*Về kiến thức*:

Cung cấp cho sinh viên những tri thfíc có tính hệ thống quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), nội dung cơ bản, giá trị lịch sfí của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930-1945).

*Về tư tưởng*:

Cung cấp cơ sở lịch sfí, góp phần củng cố niềm tin của thế hệ trẻ vào con đường cách mạng giải phóng dân tộc và phát triển đất nước-sự lựa chọn đúng đắn, tất yếu, khách quan của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đầu dựng Đảng.

*Về kỹ năng*:

Tfi việc nhận thfíc lịch sfí thời kỳ đầu dựng Đảng, góp phần trang bị cho sinh viên phương pháp nhận thfíc biện chfíng, khách quan về quá trình Đảng ra đời và vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xác lập chính quyền cách mạng.

### Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng tháng 2- 1930

#### Bối cảnh lịch sử

Tfi nfía sau thế kỷ XIX, các nước tư bản Âu-Mỹ có những chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống kinh tế-xã hội. Chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển nhanh tfi giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền (giai đoạn đế quốc chủ nghĩa), đẩy mạnh quá trình xâm chiếm và nô dịch các nước nhỏ, yếu ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ-Latinh, biến các quốc gia này thành thuộc địa của các nước đế quốc. Trước bối cảnh đó, nhân dân các dân tộc bị áp bfíc đã đfíng lên đấu tranh tự giải phóng khỏi ách thực dân, đế quốc, tạo thành phong trào giải phóng dân tộc mạnh mẽ, rộng khắp, nhất là ở châu Á. Cùng với phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản ở các nước tư bản chủ nghĩa, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa trở thành một bộ phận quan trọng trong cuộc đấu tranh chung chống tư bản, thực dân. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á đầu thế kỷ XX phát triển rộng khắp, tác động mạnh mẽ đến phong trào yêu nước Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã làm biến đổi sâu sắc tình hình thế giới. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga không chỉ có ý nghĩa to lớn đối với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản đối với các nước tư bản, mà còn có tác động sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa. Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sản, do V.I.Lênin đfíng đầu, được thành lập, trở thành bộ tham mưu chiến đấu, tổ chfíc lãnh đạo phong trào cách mạng vô sản thế giới. Quốc tế Cộng sản không những vạch đường hướng chiến lược cho cách mạng vô sản mà cả đối với các vấn đề dân tộc và thuộc địa, giúp đỡ, chỉ đạo phong trào giải phóng dân tộc. Cùng với việc nghiên cfíu và hoàn thiện chiến lược và sách lược về vấn đề dân tộc và thuộc địa, Quốc tế Cộng sản đã tiến hành hoạt động truyền bá tư tưởng cách mạng vô sản và thúc đẩy phong trào đấu tranh ở khu vực này đi theo khuynh hướng vô sản. Đại hội II của Quốc tế Cộng sản (1920) đã thông qua luận cương về dân tộc và thuộc địa do V.I.Lênin khởi xướng. Cách mạng Tháng Mười và những hoạt động cách mạng của Quốc tế Cộng sản đã ảnh hưởng mạnh mẽ và thfíc tỉnh phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam và Đông Dương.

*Tình hình Việt Nam và các phong trào yêu nước trước khi có Đảng*

Là quốc gia Đông Nam Á nằm ở vị trị địa chính trị quan trọng của châu Á, Việt Nam trở thành đối tượng nằm trong mưu đồ xâm lược của thực dân Pháp trong cuộc chạy đua với nhiều đế quốc khác. Sau một quá trình điều tra thám sát lâu dài, thâm nhập kiên trì của các giáo sĩ và thương nhân Pháp, ngày 1-9-1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam tại Đà Nẵng và tfi đó tfing bước thôn tính Việt Nam. Đó là thời điểm chế độ phong kiến Việt Nam (dưới triều đại phong kiến nhà Nguyễn) đã lâm vào giai đoạn khủng khoảng trầm trọng. Trước hành động xâm lược của Pháp, Triều đình nhà Nguyễn tfing

bước thỏa hiệp (Hiệp ước 1862, 1874, 1883) và đến ngày 6-6-1884 với Hiệp ước Patơnốt (Patenotre) đã đầu hàng hoàn toàn thực dân Pháp, Việt Nam trở thành “một xfí thuộc địa, dân ta là vong quốc nô, Tổ quốc ta bị giày xéo dưới gót sắt của kẻ thù hung ác”[7](#_bookmark6).

Tuy triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng thực dân Pháp, nhưng nhân dân Việt Nam vẫn không chịu khuất phục, thực dân Pháp dùng vũ lực để bình định, đàn áp sự nổi dậy của nhân dân. Đồng thời với việc dùng vũ lực đàn áp đẫm máu đối với các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam, thực dân Pháp tiến hành xây dựng hệ thống chính quyền thuộc địa, bên cạnh đó vẫn duy trì chính quyền phong kiến bản xfí làm tay sai. Pháp thực hiện chính sách “chia để trị” nhằm phá vỡ khối đoàn kết cộng đồng quốc gia dân tộc: chia ba kỳ (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ) với các chế độ chính trị khác nhau nằm trong *Liên bang Đông Dương thuộc Pháp* (Union Indochinoise)[8](#_bookmark7) được thành lập ngày 17-10-1887 theo sắc lệnh của Tổng thống Pháp.

Tfi năm 1897, thực dân Pháp bắt đầu tiến hành các cuộc khai thác thuộc địa lớn: Cuộc khai thác thuộc địa lần thfí nhất (1897-1914) do toàn quyền Đông Dương Paul Dou mer (Pôn du me ) thực hiện và khai thác thuộc địa lần thfí hai (1919-1929). Mưu đồ của thực dân Pháp nhằm biến Việt Nam nói riêng và Đông Dương nói chung thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của “chính quốc”, đồng thời ra sfíc vơ vét tài nguyên, bóc lột sfíc lao động rẻ mạt của người bản xfí, cùng nhiều hình thfíc thuế khóa nặng nề.

Chế độ cai trị, bóc lột hà khắc của thực dân Pháp đối với nhân dân Việt Nam là “chế độ độc tài chuyên chế nhất, nó vô cùng khả ố và khủng khiếp hơn cả chế độ chuyên chế của nhà nước quân chủ châu Á đời xưa”[9](#_bookmark8). Năm 1862, Pháp đã lập nhà tù ở Côn Đảo để giam cầm những người Việt Nam yêu nước chống Pháp.

Về văn hoá-xã hội, thực dân Pháp thực hiện chính sách “ngu dân” để dễ cai trị, lập nhà tù nhiều hơn trường học, đồng thời du nhập những giá trị phản văn hoá, duy trì tệ nạn xã hội vốn có của chế độ phong kiến và tạo nên nhiều tệ nạn xã hội mới, dùng rượu cồn và thuốc phiện để đầu độc các thế hệ người Việt Nam, ra sfíc tuyên truyền tư tưởng “khai hoá văn minh” của nước “Đại Pháp”…

Chế độ áp bfíc về chính trị, bóc lột về kinh tế, nô dịch về văn hóa của thực dân Pháp đã làm biến đổi tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam. Các giai cấp cũ phân hóa, giai cấp, tầng lớp mới xuất hiện với địa vị kinh tế khác nhau và do đó cũng có thái độ chính trị khác nhau đối với vận mệnh của dân tộc.

Dưới chế độ phong kiến, giai cấp địa chủ và nông dân là hai giai cấp cơ bản trong xã hội, khi Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp, giai cấp địa chủ bị phân hóa.

1. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 12, trang 401.
2. Bao gồm: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Cao Miên, Ai Lao.
3. Phan Văn Trường: Bài đăng trên tờ *La Cloche Félée*, số 36, ngày 21-1-1926.

Một bộ phận địa chủ câu kết với thực dân Pháp và làm tay sai đắc lực cho Pháp trong việc ra sfíc đàn áp phong trào yêu nước và bóc lột nông dân; Một bộ phận khác nêu cao tinh thần dân tộc khởi xướng và lãnh đạo các phong trào chống Pháp và bảo vệ chế độ phong kiến, tiêu biểu là phong trào Cần Vương; Một số trở thành lãnh đạo phong trào nông dân chống thực dân Pháp và phong kiến phản động; Một bộ phận nhỏ chuyển sang kinh doanh theo lối tư bản.

Giai cấp nông dân chiếm số lượng đông đảo nhất (khoảng hơn 90% dân số), đồng thời là một giai cấp bị phong kiến, thực dân bóc lột nặng nề nhất. Do vậy, ngoài mâu thuẫn giai cấp vốn có với giai cấp địa chủ, tfi khi thực dân Pháp xâm lược, giai cấp nông dân còn có mâu thuẫn sâu sắc với thực dân xâm lược. “Tinh thần cách mạng của nông dân không chỉ gắn liền với ruộng đất, với đời sống hằng ngày của họ, mà còn gắn bó một cách sâu sắc với tình cảm quê hương đất nước, với nền văn hóa hàng nghìn năm của dân tộc” [10](#_bookmark9). Đây là lực lượng hùng hậu, có tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất cho nền độc lập tự do của dân tộc và khao khát giành lại ruộng đất cho dân cày, khi có lực lượng tiên phong lãnh đạo, giai cấp nông dân sẵn sàng vùng dậy làm cách mạng lật đổ thực dân phong kiến.

Giai cấp công nhân Việt Nam được hình thành gắn với các cuộc khai thác thuộc địa, với việc thực dân Pháp thiết lập các nhà máy, xí nghiệp, công xưởng, khu đồn điền... Ngoài những đặc điểm của giai cấp công nhân quốc tế, giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm riêng vì ra đời trong hoàn cảnh một nước thuộc địa nfía phong kiến, chủ yếu xuất thân tfi nông dân, cơ cấu chủ yếu là công nhân khai thác mỏ, đồn điền, lực lượng còn nhỏ bé[11](#_bookmark10), nhưng sớm vươn lên tiếp nhận tư tưởng tiên tiến của thời đại, nhanh chóng phát triển tfi “tự phát” đến “tự giác”, thể hiện là giai cấp có năng lực lãnh đạo cách mạng.

Giai cấp tư sản Việt Nam xuất hiện muộn hơn giai cấp công nhân. Một bộ phận gắn liền lợi ích với tư bản Pháp, tham gia vào đời sống chính trị, kinh tế của chính quyền thực dân Pháp, trở thành tầng lớp tư sản mại bản. Một bộ phận là giai cấp tư sản dân tộc, họ bị thực dân Pháp chèn ép, kìm hãm, bị lệ thuộc, yếu ớt về kinh tế. Vì vậy, phần lớn tư sản dân tộc Việt Nam có tinh thần dân tộc, yêu nước nhưng không có khả năng tập hợp các giai tầng để tiến hành cách mạng.

Tầng lớp tiểu tư sản (tiểu thương, tiểu chủ, sinh viên,…) bị đế quốc, tư bản chèn ép, khinh miệt, do đó có tinh thần dân tộc, yêu nước và rất nhạy cảm về chính trị và thời cuộc. Tuy nhiên, do địa vị kinh tế bấp bênh, thái độ hay dao động, thiếu kiên định, do đó tầng lớp tiểu tư sản không thể lãnh đạo cách mạng.

1. Lê Duẩn: *Giai cấp công nhân Việt Nam và liên minh công nông,* Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976, trang 119.
2. Số lượng công nhân đến trước chiến tranh thế giới thfí nhất (1913) có khoảng 10 vạn người; đến cuối năm 1929, số công nhân Việt Nam là hơn 22 vạn người, chiếm trên 1,2% dân số.

Các sĩ phu phong kiến cũng có sự phân hóa. Một bộ phận hướng sang tư tưởng dân chủ tư sản hoặc tư tưởng vô sản. Một số người khởi xướng các phong trào yêu nước có ảnh hưởng lớn.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Việt Nam đã có sự biến đổi rất quan trọng cả về chính trị, kinh tế, xã hội. Chính sách cai trị và khai thác bóc lột của thực dân Pháp đã làm phân hóa những giai cấp vốn là của chế độ phong kiến (địa chủ, nông dân) đồng thời tạo nên những giai cấp, tầng lớp mới (công nhân, tư sản dân tộc, tiểu tư sản) với thái độ chính trị khác nhau. Những mâu thuẫn mới trong xã hội Việt Nam xuất hiện. Trong đó, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và phong kiến phản động trở thành mâu thuẫn chủ yếu nhất và ngày càng gay gắt.

Trong bối cảnh đó, những luồng tư tưởng ở bên ngoài: tư tưởng Cách mạng tư sản Pháp 1789, phong trào Duy tân Nhật Bản năm 1868, cuộc vận động Duy tân tại Trung Quốc năm 1898, Cách mạng Tân Hợi của Trung Quốc năm 1911…, đặc biệt là Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã tác động mạnh mẽ, làm chuyển biến phong trào yêu nước những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Năm 1919, trên chiến hạm của Pháp ở Hắc Hải (Biển Đen), Tôn Đfíc Thắng tham gia đấu tranh chống việc can thiệp vào nước Nga Xô viết. Năm 1923, luật sư Phan Văn Trường tfi Pháp về nước và ông công bố tác phẩm của C.Mác và Ph.Ăngghen: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (The Manifesto of the Communist Party) trên báo *La Cloche Fêlée*, tfi số ra ngày 29-3 đến 20-4-1926, tại Sài Gòn, góp phần tuyên truyền tư tưởng vô sản ở Việt Nam.

*Các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam trước khi có Đảng*

Ngay tfi khi Pháp xâm lược, các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp với tinh thần quật cường bảo vệ nền độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam đã diễn ra liên tục, rộng khắp.

Đến năm 1884, mặc dù triều đình phong kiến nhà Nguyễn đã đầu hàng, nhưng một bộ phận phong kiến yêu nước đã cùng với nhân dân vẫn tiếp tục đấu tranh vũ trang chống Pháp.

Đó là phong trào Cần Vương do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết khởi xướng (1885-1896). Hưởng fíng lời kêu gọi Cần Vương cfíu nước, các cuộc khởi nghĩa Ba Đình (Thanh Hoá), Bãi Sậy (Hưng Yên), Hương Khê (Hà Tĩnh)… diễn ra sôi nổi và thể hiện tinh thần quật cường chống ngoại xâm của các tầng lớp nhân dân. Nhưng ngọn cờ phong kiến lúc đó không còn là ngọn cờ tiêu biểu để tập hợp một cách rộng rãi, toàn thể các tầng lớp nhân dân, không có khả năng liên kết các trung tâm kháng Pháp trên toàn quốc nữa. Cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng thất bại (1896) cũng là mốc chấm dfít vai trò lãnh đạo của giai cấp phong kiến đối với phong trào yêu nước chống thực dân Pháp ở Việt

Nam. Đầu thế kỷ XX, Vua Thành Thái và Vua Duy Tân tiếp tục đấu tranh chống Pháp, trong đó có khởi nghĩa của Vua Duy Tân (5-1916).

Vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, ở vùng miền núi và trung du phía Bắc, *phong trào nông dân* Yên Thế (Bắc Giang) dưới sự lãnh đạo của vị thủ lĩnh nông dân Hoàng Hoa Thám, nghĩa quân đã xây dựng lực lượng chiến đấu, lập căn cfí và đấu tranh kiên cường chống thực dân Pháp. Nhưng phong trào của Hoàng Hoa Thám vẫn mang nặng “cốt cách phong kiến”, không có khả năng mở rộng hợp tác và thống nhất tạo thành một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, cuối cùng cũng bị thực dân Pháp đàn áp.

Tfi những năm đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước Việt Nam chịu ảnh hưởng, tác động của *trào lưu dân chủ tư sản*, tiêu biểu là xu hướng bạo động của Phan Bội Châu, xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh và sau đó là phong trào tiểu tư sản trí thfíc của tổ chfíc Việt Nam Quốc dân đảng (12-1927 - 2-1930) đã tiếp tục diễn ra rộng khắp các tỉnh Bắc Kỳ, nhưng tất cả đều không thành công.

Xu hướng bạo động do Phan Bội Châu tổ chfíc, lãnh đạo: Với chủ trương tập hợp lực lượng với phương pháp bạo động chống Pháp, xây dựng chế độ chính trị như ở Nhật Bản, phong trào theo xu hướng này tổ chfíc đưa thanh niên yêu nước Việt Nam sang Nhật Bản học tập (gọi là phong trào “*Đông Du*”). Đến năm 1908, Chính phủ Nhật Bản câu kết với thực dân Pháp trục xuất lưu học sinh Việt Nam và những người đfíng đầu. Sau khi phong trào Đông Du thất bại, với sự ảnh hưởng của Cách mạng Tân Hợi (1911) Trung Quốc, năm 1912 Phan Bội Châu lập tổ chfíc *Việt Nam Quang phục hội* với tôn chỉ là vũ trang đánh đuổi thực dân Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước cộng hòa dân quốc Việt Nam. Nhưng chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội lại thiếu rõ ràng. Cuối năm 1913, Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt giam tại Trung Quốc cho tới đầu năm 1917 và sau này bị quản chế tại Huế cho đến khi ông mất (1940). Ảnh hưởng xu hướng bạo động của tổ chfíc *Việt Nam Quang phục hội* đối với phong trào yêu nước Việt Nam đến đây chấm dfít.

Xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh: Phan Châu Trinh và những người cùng chí hướng muốn giành độc lập cho dân tộc nhưng không đi theo con đường bạo động như Phan Bội Châu, mà chủ trương cải cách đất nước. Phan Châu Trinh cho rằng “bất bạo động, bạo động tắc tfí”; phải “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, phải bãi bỏ chế độ quân chủ, thực hiện dân quyền, khai thông dân trí, mở mang thực nghiệp. Để thực hiện được chủ trương ấy, Phan Châu Trinh đã đề nghị Nhà nước “bảo hộ” Pháp tiến hành cải cách. Đó chính là sự hạn chế trong xu hướng cải cách để cfíu nước, vì Phan Châu Trinh đã “đặt vào lòng độ lượng của Pháp cái hy vọng cải tfí hoàn sinh cho nước Nam,... Cụ không

rõ bản chất của đế quốc thực dân”[12](#_bookmark11). Do vậy, khi phong trào Duy Tân lan rộng khắp cả Trung Kỳ và Nam Kỳ, đỉnh cao là vụ chống thuế ở Trung Kỳ (1908), thực dân Pháp đã đàn áp dã man, giết hại nhiều sĩ phu và nhân dân tham gia biểu tình. Nhiều sĩ phu bị bắt, bị đày đi Côn Đảo, trong đó có Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn... Phong trào chống thuế ở Trung Kỳ bị thực dân Pháp dập tắt, cùng với sự kiện tháng 12-1907 thực dân Pháp ra lệnh đóng cfía Trường Đông Kinh Nghĩa Thục[13](#_bookmark12) phản ánh sự kết thúc xu hướng cải cách trong phong trào cfíu nước của Việt Nam.

Phong trào của tổ chfíc Việt Nam Quốc dân đảng: Khi thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa lần thfí hai, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp càng trở nên gay gắt, các giai cấp, tầng lớp mới trong xã hội Việt Nam đều bước lên vũ đài chính trị. Trong đó, hoạt động có ảnh hưởng rộng và thu hút nhiều học sinh, sinh viên yêu nước ở Bắc Kỳ là tổ chfíc *Việt Nam Quốc dân đảng* do Nguyễn Thái Học lãnh đạo. Trên cơ sở các tổ chfíc yêu nước của tiểu tư sản trí thfíc, Việt Nam Quốc dân đảng được chính thfíc thành lập tháng 12-1927 tại Bắc Kỳ.

Mục đích của Việt Nam Quốc dân đảng là đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập dân tộc, xây dựng chế độ cộng hòa tư sản, với phương pháp đấu tranh vũ trang nhưng theo lối manh động, ám sát cá nhân và lực lượng chủ yếu là binh lính, sinh viên…. Cuộc khởi nghĩa nổ ra ở một số tỉnh, chủ yếu và mạnh nhất là ở Yên Bái (2-1930) tuy oanh liệt nhưng nhanh chóng bị thất bại. Sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái của tổ chfíc Việt Nam Quốc dân đảng đã thể hiện là “...một cuộc bạo động bất đắc dĩ, một cuộc bạo động non, để rồi chết luôn không bao giờ ngóc đầu lên nổi. Khẩu hiệu “không thành công thì thành nhân” biểu lộ tính chất hấp tấp tiểu tư sản, tính chất hăng hái nhất thời và đồng thời cũng biểu lộ tính chất không vững chắc, non yếu của phong trào tư sản”[14](#_bookmark13).

Vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, tiếp tục truyền thống yêu nước, bất khuất kiên cường chống ngoại xâm, các phong trào yêu nước theo ngọn cờ phong kiến, ngọn cờ dân chủ tư sản của nhân dân Việt Nam đã diễn ra quyết liệt, liên tục và rộng khắp. Dù với nhiều cách thfíc tiến hành khác nhau, song đều hướng tới mục tiêu giành độc lập cho dân tộc. Tuy nhiên, “các phong trào cfíu nước tfi lập trường Cần Vương đến lập trường tư sản, tiểu tư sản qua khảo nghiệm lịch sfí đều lần lượt thất bại” [15](#_bookmark14). Nguyên nhân thất bại của các phong trào đó là do thiếu đường lối chính trị đúng đắn để giải quyết triệt để những mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu của xã hội, chưa có một tổ chfíc vững mạnh để tập hợp, giác ngộ và lãnh đạo toàn dân tộc, chưa xác định được phương pháp đấu tranh

1. Trần Văn Giàu: *Sự phát triển tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám-Hệ ý thức tư sản và sự thất bại của nó trước nhiệm vụ lịch sử*, Nxb Khoa học xã hội, 1975, trang 442.
2. Trường Đông Kinh Nghĩa thục do Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Hoàng Tăng Bí... thành lập ở Hà Nội, nhằm truyền bá tư tưởng dân chủ, tự do tư sản, nâng cao lòng tự tôn dân tộc cho thanh niên Việt Nam.
3. Lê Duẩn: *Một vài đặc điểm của cách mạng Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1959, trang 41.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 51, trang 14.

thích hợp để đánh đổ kẻ thù.

Các phong trào yêu nước ở Việt Nam cho đến những năm 20 của thế kỷ XX đều thất bại, nhưng đã góp phần cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân, bồi đắp thêm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, đặc biệt góp phần thúc đẩy những nhà yêu nước, nhất là lớp thanh niên trí thfíc tiên tiến chọn lựa một con đường mới, một giải pháp cfíu nước, giải phóng dân tộc theo xu thế của thời đại. Nhiệm vụ lịch sfí cấp thiết đặt ra cho thế hệ yêu nước đương thời là cần phải có một tổ chfíc cách mạng tiên phong, có đường lối cfíu nước đúng đắn để giải phóng dân tộc.

#### Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng

Trước yêu cầu cấp thiết giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, với nhiệt huyết cfíu nước, với nhãn quan chính trị sắc bén, vượt lên trên hạn chế của các bậc yêu nước đương thời, năm 1911, Nguyễn Tất Thành quyết định ra đi tìm đường cfíu nước, giải phóng dân tộc. Qua trải nghiệm thực tế qua nhiều nước, Người đã nhận thfíc được rằng một cách rạch ròi: “dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có *hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột*”, tfi đó xác định rõ kẻ thù và lực lượng đồng minh của nhân dân các dân tộc bị áp bfíc.

Năm 1917, thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga đã tác động mạnh mẽ tới nhận thfíc của Nguyễn Tất Thành-đây là cuộc “cách mạng đến nơi”. Người tfi nước Anh trở lại nước Pháp và tham gia các hoạt động chính trị hướng về tìm hiểu con đường Cách mạng Tháng Mười Nga, về V.I.Lênin.

Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành tham gia Đảng Xã hội Pháp, một chính đảng tiến bộ nhất lúc đó ở Pháp. Tháng 6-1919, tại Hội nghị của các nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới thfí nhất họp ở Versailles, (Vécxây, Pháp) , Tổng thống Mỹ Wooderow Wilson (Uynxơn) tuyên bố bảo đảm về quyền dân tộc tự quyết cho các nước thuộc địa. Nguyễn Tất Thành lấy tên là Nguyễn Ái Quốc thay mặt *Hội những người An Nam yêu nước* ở Pháp gfíi tới Hội nghị bản Yêu sách của nhân dân An Nam (gồm tám điểm đòi quyền tự do cho nhân dân Việt Nam) ngày 18-6-1919. Nhó nười Việt Nam tiêu biểu cho tinh thần yêu nước ở Pháp, gồm: Phan Chu Trinh, Nguyễn An Ninh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn Ái Quốc. Những yêu sách đó dù không được Hội nghị đáp fíng, nhưng sự kiện này đã tạo nên tiếng vang lớn trong dư luận quốc tế và Nguyễn Ái Quốc càng hiểu rõ hơn bản chất của đế quốc, thực dân.

Tháng 7-1920, Người đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin đăng trên báo *L'Humanité* (Nhân đạo)*,* số ra ngày 16 và 17-7-1920. Những luận điểm của V.I.Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa đã giải đáp những vấn đề cơ bản và chỉ dẫn hướng phát triển của sự nghiệp cfíu nước, giải

phóng dân tộc. Lý luận của V.I.Lênin và lập trường đúng đắn của Quốc tế Cộng sản về cách mạng giải phóng các dân tộc thuộc địa là cơ sở để Nguyễn Ái Quốc xác định thái độ ủng hộ việc gia nhập Quốc tế Cộng sản tại Đại hội lần thfí XVIII của Đảng Xã hội Pháp (12-1920) tại thành phố Tua (Tour). Tại Đại hội này, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản do V.I.Lênin thành lập).

Ngay sau đó, Nguyễn Ái Quốc cùng với những người vfia bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản đã tuyên bố thành lập *Phân bộ Pháp của Quốc tế Cộng sản*-tfíc là Đảng Cộng sản Pháp. Với sự kiện này, Nguyễn Ái Quốc trở thành một trong những sáng lập viên của Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản đầu tiên của Việt Nam, đánh dấu bước chuyển biến quyết định trong tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc. Trong những năm 1919-1921 Bộ trưởng Bộ thuộc địa Pháp Albert Sarraut (An be xa rô) nhiều lần gặp Nguyễn Ái Quốc mua chuộc và đe dọa. Ngày 30-6-1923, Nguyễn Ái Quốc tới Liên Xô và làm việc tại Quốc tế Cộng sản ở Mátxcơva, tham gia nhiều hoạt động, đặc biệt là dự và đọc tham luận tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản (17-6 - 8-7-1924), làm việc trực tiếp ở Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản.

Sau khi xác định được con đường cách mạng đúng đắn, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục khảo sát, tìm hiểu để hoàn thiện nhận thfíc về đường lối cách mạng vô sản, đồng thời tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin về Việt Nam.

*Chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng*

*Về tư tưởng :* Tfi giữa năm 1921, tại Pháp, cùng một số nhà cách mạng của các nước thuộc địa khác, Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội liên hiệp thuộc địa, sau đó sáng lập tờ báo *Le Paria* (Người cùng khổ). Người viết nhiều bài trên các báo *Nhân đạo, Đời sống công nhân, Tạp chí Cộng sản, Tập san Thư tín quốc tế,*...

Năm 1922, *Ban Nghiên cứu thuộc địa* của Đảng Cộng sản Pháp được thành lập, Nguyễn Ái Quốc được cfí làm Trưởng Tiểu ban Nghiên cfíu về Đông Dương. Vfia nghiên cfíu lý luận, vfia tham gia hoạt động thực tiễn trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, dưới nhiều phương thfíc phong phú, Nguyễn Ái Quốc tích cực tố cáo, lên án bản chất áp bfíc, bóc lột, nô dịch của chủ nghĩa thực dân đối với nhân dân các nước thuộc địa và kêu gọi, thfíc tỉnh nhân dân bị áp bfíc đấu tranh giải phóng. Người chỉ rõ bản chất của chủ nghĩa thực dân, xác định chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới. Đồng thời, Người tiến hành tuyên truyền tư tưởng về con đường cách mạng vô sản, con đường cách mạng theo *lý luận Mác-Lênin*, xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa những người cộng sản và nhân dân lao động Pháp với các nước thuộc địa và phụ thuộc.

Năm 1927, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: “Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm

cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy”[16](#_bookmark15). Đảng mà không có chủ nghĩa cũng giống như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Phải truyền bá tư tưởng vô sản, lý luận Mác-Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

*Về chính trị.* Xuất phát tfi thực tiễn cách mạng thế giới và đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, kế thfia và phát triển quan điểm của V.I.Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đưa ra những luận điểm quan trọng về cách mạng giải phóng dân tộc. Người khẳng định rằng, con đường cách mạng của các dân tộc bị áp bfíc là *giải phóng giai cấp*, *giải phóng dân tộc*; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản. Đường lối chính trị của Đảng cách mạng phải hướng tới giành độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho đồng bào, hướng tới xây dựng nhà nước mang lại quyền và lợi ích cho nhân dân.

Nguyễn Ái Quốc xác định cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới; giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa với cách mạng vô sản ở “chính quốc” có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau, nhưng cách mạng giải phóng dân tộc ở nước thuộc địa không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở “chính quốc” mà có thể thành công trước cách mạng vô sản ở “chính quốc”, góp phần tích cực thúc đẩy cách mạng vô sản ở “chính quốc”.

Đối với các dân tộc thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ: trong nước nông nghiệp lạc hậu, nông dân là lực lượng đông đảo nhất, bị đế quốc, phong kiến áp bfíc, bóc lột nặng nề, vì vậy phải thu phục và lôi cuốn được nông dân, phải xây dựng khối liên minh công nông làm động lực cách mạng: “công nông là gốc của cách mệnh; còn học trò nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ... là bầu bạn cách mệnh của công nông”[17](#_bookmark16)*.* Do vậy, Người xác định rằng, cách mạng “là việc chung của cả dân chúng chfí không phải là việc của một hai người”[18](#_bookmark17).

Về vấn đề Đảng Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: “Cách mạng trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chfíc dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bfíc và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy.

Phong trào “Vô sản hóa” do Kỳ bộ Bắc Kỳ Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên phát động tfi ngày 29-9-1928 đã góp phần truyền bá tư tưởng vô sản, rèn luyện cán bộ và xây dựng phát triển tổ chfíc của công nhân.

*Về tổ chức.* Sau khi lựa chọn con đường cfíu nước-con đường cách mạng vô sản-cho dân tộc Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc thực hiện “lộ trình” “đi vào quần chúng, thfíc tỉnh họ,

1. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 2, trang 289.
2. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 2, trang 288.

tổ chfíc họ, đoàn kết họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập”[19](#_bookmark18). Vì vậy, sau một thời gian hoạt động ở Liên Xô để tìm hiểu, khảo sát thực tế về cách mạng vô sản, tháng 11- 1924, Người đến Quảng Châu (Trung Quốc)-nơi có đông người Việt Nam yêu nước hoạt động-để xúc tiến các công việc tổ chfíc thành lập đảng cộng sản. Tháng 2-1925, Người lựa chọn một số thanh niên tích cực trong *Tâm tâm xã*, lập ra nhóm *Cộng sản đoàn*.

Tháng 6-1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên* tại Quảng Châu (Trung Quốc), nòng cốt là Cộng sản đoàn. Hội đã công bố chương trình, điều lệ của Hội, mục đích: để làm cách mệnh dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành độc lập cho xfí sở) rồi sau đó làm cách mạng thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc và thực hiện chủ nghĩa cộng sản). Hệ thống tổ cfíc của Hội gồm 5 cấp: trung ương bộ, kỳ bộ, tỉnh bộ hay thành bộ, huyện bộ và chi bộ. Tổng bộ là cơ quan lãnh đạo cao nhất giữa hai kỳ đại hội. Trụ sở đặt tại Quảng Châu.

Hội đã xuất bản tờ báo *Thanh niên* (do Nguyễn Ái Quốc sáng lập và trực tiếp chỉ đạo), tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của Hội, truyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin và phương hướng phát triển của cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam. Báo in bằng tiếng Việt và ra hằng tuần, mỗi số in khoảng 100 bản. Ngày 21-6-1925 ra số đầu tiên, đến tháng 4-1927, báo do Nguyễn Ái Quốc phụ trách và ra được 88 số. Sau khi Nguyễn Ái Quốc rời Quảng Châu (4-1927) đi Liên Xô, những đồng chí khác trong Tổng bộ vẫn tiếp tục việc xuất bản và hoạt động cho đến tháng 2-1930 với 202 số (tfi số 89 trở đi, trụ sở báo chuyển về Thượng Hải). Một số lượng lớn báo Thanh niên được bí mật đưa về nước và tới các trung tâm phong trào yêu nước của người Việt Nam ở nước ngoài. Báo *Thanh niên* đánh dấu sự ra đời của báo chí cách mạng Việt Nam.

Sau khi thành lập, Hội tổ chfíc các lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách, phái người về nước vận động, lựa chọn và đưa một số thanh niên tích cực sang Quảng Châu để đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị. Tfi giữa năm 1925 đến tháng 4-1927, Hội đã tổ chfíc được trên 10 lớp huấn luyện tại nhà số 13 và 13 B đường Văn Minh, Quảng Châu (nay là nhà số 248 và 250). Sau khi được đào tạo, các hội viên được cfí về nước xây dựng và phát triển phong trào cách mạng theo khuynh hướng vô sản. Trong số học viên được đào tạo ở Quảng Châu, có nhiều đồng chí được cfí đi học trường Đại học Cộng sản phương Đông (Liên Xô) và trường Quân chính Hoàng Phố (Trung Quốc).

Sau sự biến chính trị ở Quảng Châu (4-1927), Nguyễn Ái Quốc trở lại Mátxcơva và sau đó được Quốc tế Cộng sản cfí đi công tác ở nhiều nước Châu Âu. Năm 1928, Người trở về Châu Á và hoạt động ở Xiêm (tfíc Thái Lan).

Các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc trong các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho những người Việt Nam yêu nước tại Quảng Châu, được *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông* xuất bản thành cuốn *Đường Cách mệnh*. Đây là cuốn sách chính trị đầu tiên của cách mạng Việt Nam, trong đó tầm quan trọng của lý luận cách mạng được đặt ở vị trí hàng đầu đối với cuộc vận động cách mạng và đối với đảng cách mạng tiên phong. *Đường Cách mệnh* xác định rõ con đường, mục tiêu, lực lượng và phương pháp đấu tranh của cách mạng. Tác phẩm thể hiện tư tưởng nổi bật của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc dựa trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào đặc điểm của Việt Nam. Những điều kiện về tư tưởng, lý luận, chính trị và tổ chfíc để thành lập Đảng đã được thể hiện rõ trong tác phẩm.

Ở trong nước, tfi đầu năm 1926, Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đã bắt đầu phát triển cơ sở ở trong nước, đến đầu năm 1927 các kỳ bộ được thành lập. Hội còn chú trọng xây dựng cơ sở trong Việt kiều ở Xiêm (Thái Lan). Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên chưa phải là chính đảng cộng sản, nhưng chương trình hành động đã thể hiện quan điểm, lập trường của giai cấp công nhân, là tổ chfíc tiền thân dẫn tới ra đời các tổ chfíc cộng sản ở Việt Nam. Hội là tổ chfíc trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam và cũng là sự chuẩn bị quan trọng về tổ chfíc để tiến tới thành lập chính đảng của giai cấp công nhân ở Việt Nam. Những hoạt động của Hội có ảnh hưởng và thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển biến của phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam những năm 1928-1929 theo xu hướng cách mạng vô sản. Đó là tổ chfíc tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam.

#### Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

*Các tổ chức cộng sản ra đời*

Với sự nỗ lực cố gắng truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc và những hoạt động tích cực của các cấp bộ trong tổ chfíc Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên trên cả nước đã có tác dụng thúc đẩy phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, nâng cao ý thfíc giác ngộ và lập trường cách mạng của giai cấp công nhân. Những cuộc đấu tranh của thợ thuyền khắp ba kỳ với nhịp độ, quy mô ngày càng lớn, nội dung chính trị ngày càng sâu sắc. Số lượng các cuộc đấu tranh của công nhân trong năm 1928-1929 tăng gấp 2,5 lần so với 2 năm 1926-1927

Đến năm 1929, trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng Việt Nam, tổ chfíc Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên không còn thích hợp và đủ sfíc lãnh đạo phong trào. Trước tình hình đó, tháng 3-1929, những người lãnh đạo Kỳ bộ Bắc Kỳ (Trần Văn Cung, Ngô Gia Tự, Nguyễn Đfíc Cảnh, Trịnh Đình Cfíu...) họp tại số nhà 5D, phố Hàm

Long, Hà Nội, quyết định lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam. Ngày 17-6-1929, đại biểu của các tổ chfíc cộng sản ở Bắc Kỳ họp tại số nhà 312 phố Khâm Thiên (Hà Nội), quyết định thành lập *Đông Dương Cộng sản Đảng,* thông qua Tuyên ngôn, Điều lệ; lấy cờ đỏ búa liềm là Đảng kỳ và quyết định xuất bản báo *Búa liềm* làm cơ quan ngôn luận.

Trước ảnh hưởng của *Đông Dương Cộng sản Đảng*, những thanh niên yêu nước ở Nam Kỳ theo xu hướng cộng sản, lần lượt tổ chfíc nững chi bộ cộng sản. Tháng 11-1929, trên cơ sở các chi bộ cộng sản ở Nam Kỳ, *An Nam Cộng sản Đảng* được thành lập tại Khánh Hội, Sài Gòn, công bố Điều lệ, quyết định xuất bản *Tạp chí Bônsơvích*.

Tại Trung Kỳ, Tân Việt Cách mạng đảng (là một tổ chfíc thanh niên yêu nước có cả Trần Phú, Nguyễn Thị Minh Khai…) chịu tác động mạnh mẽ của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên-đã đi theo khuynh hướng cách mạng vô sản. Tháng 9-1929, những người tiên tiến trong Tân Việt Cách mạng đảng họp bàn việc thành lập *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn* và ra Tuyên đạt, khẳng định: “…những người giác ngộ cộng sản chân chính trong Tân Việt Cách mệnh Đảng trịnh trọng tuyên ngôn cùng toàn thể đảng viên Tân Việt Cách mệnh Đảng, toàn thể thợ thuyền dân cày và lao khổ biết rằng chúng tôi đã chánh thfíc lập ra *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn*… Muốn làm tròn nhiệm vụ thì trước mắt của Đông Dương Cộng sản liên đoàn là một mặt phải xây dựng cơ sở chi bộ của Liên đoàn tfíc là thực hành cải tổ Tân Việt Cách mạng Đảng thành đoàn thể cách mạng chân chính…”[20](#_bookmark19). Đến cuối tháng 12-1929, tại Đại hội các đại biểu liên tỉnh tại nhà đồng chí Nguyễn Xuân Thanh-Ủy viên Ban Chấp hành liên tỉnh (ga Chợ Thượng, huyện Đfíc Thọ, tỉnh Hà Tĩnh), nhất trí quyết định “Bỏ tên gọi Tân Việt. Đặt tên mới là Đông Dương Cộng sản liên đoàn”. Khi đang Đại hội, sợ bị lộ, các đại biểu di chuyển đến địa điểm mới thì bị địch bắt vào sáng ngày 1-1-1930. “Có thể coi những ngày cuối tháng 12-1929 là thời điểm hoàn tất quá trình thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn được khởi đầu tfi sự kiện công bố Tuyên đạt tháng 9-1929”[21](#_bookmark20).

Sự ra đời ba tổ chfíc cộng sản trên cả nước diễn ra trong vòng nfía cuối năm 1929 đã khẳng định bước phát triển về chất của phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, phù hợp với xu thế và nhu cầu bfíc thiết của lịch sfí Việt Nam. Tuy nhiên, sự ra đời ba tổ chfíc cộng sản ở ba miền đều tuyên bố ủng hộ Quốc tế Cộng sản, kêu gọi Quốc tế Cộng sản thfia nhận tổ chfíc của mình và đều tự nhận là đảng cách mạng chân chính, không tránh khỏi phân tán về lực lượng và thiếu thống nhất về tổ chfíc trên cả nước.

Sự chuyển biến mạnh mẽ các phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân ngày càng lên cao, nhu cầu thành lập một chính đảng cách mạng có đủ khả năng tập hợp lực

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tập 1, trang 404.
2. *Lịch sử biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 1, trang 319.

lượng toàn dân tộc và đảm nhiệm vai trò lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc ngày càng trở nên bfíc thiết đối với cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ.

*Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*

Trước nhu cầu cấp bách của phong trào cách mạng trong nước, với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản, ngày 23-12-1929, Nguyễn Ái Quốc đến Hồng Kông (Trung Quốc) triệu tập đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng đến họp tại Cfíu Long (Hồng Kông) tiến hành hội nghị hợp nhất các tổ chfíc cộng sản thành một chính đảng duy nhất của Việt Nam.

Thời gian Hội nghị tfi ngày 6-1 đến ngày 7-2-1930. (Sau này Đảng quyết nghị lấy ngày 3 tháng 2 dương lịch làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng)[22](#_bookmark21). Trong *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản,* ngày 18-2-1930, Nguyễn Ái Quốc viết: “Chúng tôi họp vào ngày mồng 6-1. Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, tôi nói cho họ biết những sai lầm và họ phải làm gì. Họ đồng ý thống nhất vào một đảng. Chúng tôi cùng nhau xác định cương lĩnh và chiến lược theo đường lối của Quốc tế Cộng sản... Các đại biểu trở về An Nam ngày 8-2”[23](#_bookmark22)

Thành phần dự Hội nghị: gồm 2 đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng (Trịnh Đình Cfíu và Nguyễn Đfíc Cảnh), 2 đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng (Châu Văn Liêm và Nguyễn Thiệu), dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc-đại biểu của Quốc tế Cộng sản.

Chương trình nghị sự của Hội nghị:

1. Đại biểu của Quốc tế Cộng sản nói lý do cuộc hội nghị;
2. Thảo luận ý kiến của đại biểu Quốc tế Cộng sản về: a) Việc hợp nhất tất cả các nhóm cộng sản thành một tổ chfíc chung, tổ chfíc này sẽ là một Đảng Cộng sản chân chính; b) Kế hoạch thành lập tổ chfíc đó.

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nêu ra năm điểm lớn cần thảo luận và thống nhất:

“1. Bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản Đông Dương;

1. Định tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam;
2. Thảo Chính cương và Điều lệ sơ lược;
3. Định kế hoạch thực hiện việc thống nhất trong nước;
4. Sau này, đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thfí III của Đảng (9-1960) quyết nghị: “... tfi nay sẽ lấy ngày 3 tháng 2 dương lịch mỗi năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng”.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tập 2, trang 19-20.
6. Cfí một Ban Trung ương lâm thời...”[24](#_bookmark23).

Hội nghị thảo luận, tán thành ý kiến chỉ đạo của Nguyễn Ái Quốc, thông qua các văn kiện quan trọng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo: *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam*.

Hội nghị xác định rõ tôn chỉ mục đích của Đảng: “Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chfíc ra để lãnh đạo quần chúng lao khổ làm giai cấp tranh đấu để tiêu trfi tư bản đế quốc chủ nghĩa, làm cho thực hiện xã hội cộng sản”. Quy định điều kiện vào Đảng: là những người “tin theo chủ nghĩa cộng sản, chương trình đảng và Quốc tế Cộng sản, hăng hái tranh đấu và dám hy sinh phục tùng mệnh lệnh Đảng và đóng kinh phí, chịu phấn đấu trong một bộ phận đảng”[25](#_bookmark24).

Hội nghị chủ trương các đại biểu về nước phải tổ chfíc một Trung ương lâm thời để lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Hệ thống tổ chfíc Đảng tfi chi bộ, huyên bộ, thị bộ hay khu bộ, tỉnh bộ, thành bộ hay đặc biệt bộ và Trung ương.

Ngoài ra, Hội nghị còn quyết định chủ trương xây dựng các tổ chfíc công hội, nông hội, cfíu tế, tổ chfíc phản đế và xuất bản một tạp chí lý luận và ba tờ báo tuyên truyền của Đảng.

Đến ngày 24-2-1930, việc thống nhất các tổ chfíc cộng sản thành một chính đảng duy nhất được hoàn thành với Quyết nghị của Lâm thời chấp ủy Đảng Cộng sản Việt Nam, chấp nhận Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc có giá trị như một Đại hội Đảng. Sau Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc ra *Lời kêu gọi* nhân dịp thành lập Đảng. Mở đầu *Lời kêu gọi*, Người viết: “Nhận chỉ thị của Quốc tế Cộng sản giải quyết vấn đề cách mạng nước ta, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ”.

*Nội dung cơ bản của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng*

Trong các văn kiện do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng, có hai văn kiện, đó là: *Chánh cương vắn tắt của Đảng* và *Sách lược vắn tắt của Đảng*[*26*](#_bookmark25)đã phản ánh về đường hướng phát triển và những vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam. Vì vậy, hai văn kiện trên là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam[27](#_bookmark26).

Cương lĩnh chính trị đầu tiên xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tập 2, trang 2.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tập 2, trang 7-8.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tập 2, trang 2-5.
4. Theo Thông báo Kết luận của Bộ Chính trị số 31-TB/TW, ngày 1-6-2011, về một số vấn đề trong bản thảo *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tập I (1930-1954)*.

Nam: Tfi việc phân tích thực trạng và mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam-một xã hội thuộc địa nfía phong kiến, mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam trong đó có công nhân, nông dân với đế quốc ngày càng gay gắt cần phải giải quyết, đi đến xác định đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Như vậy, mục tiêu chiến lược được nêu ra trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng đã làm rõ nội dung của cách mạng thuộc địa nằm trong phạm trù của cách mạng vô sản.

Xác định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam: “Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến”, “Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”. Cương lĩnh đã xác định: Chống đế quốc và chống phong kiến là nhiệm vụ cơ bản để giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho dân cày, trong đó chống đế quốc, giành độc lập cho dân tộc được đặt ở vị trí hàng đầu.

Về phương diện xã hội, Cương lĩnh xác định rõ: “a) Dân chúng được tự do tổ chfíc.

b) Nam nữ bình quyền,v.v… c) Phổ thông giáo dục theo công nông hoá”. Về phương diện kinh tế, Cương lĩnh xác định: Thủ tiêu hết các thfí quốc trái; thâu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v.) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý; thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo; bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; mở mang công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật ngày làm tám giờ… Những nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam về phương diện xã hội và phương diện kinh tế nêu trên vfia phản ánh đúng tình hình kinh tế, xã hội, cần được giải quyết ở Việt Nam, vfia thể hiện tính cách mạng, toàn diện, triệt để là xóa bỏ tận gốc ách thống trị, bóc lột hà khắc của ngoại bang, nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, đặc biệt là giải phóng cho hai giai cấp công nhân và nông dân.

Xác định lực lượng cách mạng: phải đoàn kết công nhân, nông dân-đây là lực lượng cơ bản, trong đó giai cấp công nhân lãnh đạo; đồng thời chủ trương đoàn kết tất cả các giai cấp, các lực lượng tiến bộ, yêu nước để tập trung chống đế quốc và tay sai. Do vậy, Đảng “phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình”, “phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày,… hết sfíc liên lạc với tiểu tư sản, trí thfíc, trung nông… để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đfíng trung lập”. Đây là cơ sở của tư tưởng chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết rộng rãi các giai cấp, các tầng lớp nhân dân yêu nước và các tổ chfíc yêu nước,cách mạng, trên cơ sở đánh giá đúng đắn thái độ các giai cấp phù hợp với đặc điểm xã hội Việt Nam.

Xác định phương pháp tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, Cương lĩnh khẳng định phải bằng con đường bạo lực cách mạng của quần chúng , trong bất cfí hoàn cảnh

nào cũng không được thoả hiệp “không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thoả hiệp”. Có sách lược đấu tranh cách mạng thích hợp để lôi kéo tiểu tư sản, trí thfíc, trung nông về phía giai cấp vô sản, nhưng kiên quyết: “bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ”.

Xác định tinh thần đoàn kết quốc tế, Cương lĩnh chỉ rõ trong khi thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc, đồng thời tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ của các dân tộc bị áp bfíc và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp. Cương lĩnh nêu rõ cách mạng Việt Nam liên lạc mật thiết và là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới: “trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu nước An Nam độc lập, phải đồng thời tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bfíc dân tộc và vô sản giai cấp thế giới”. Như vậy, ngay tfi khi thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu cao chủ nghĩa quốc tế và mang bản chất quốc tế của giai cấp công nhân.

Xác định vai trò lãnh đạo của Đảng: “Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng”[28](#_bookmark27). “Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản gồm một số lớn của giai cấp công nhân và làm cho họ có đủ năng lực lãnh đạo quần chúng”[29](#_bookmark28).

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã phản ánh một cách súc tích các luận điểm cơ bản của cách mạng Việt Nam. Trong đó, thể hiện bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ, sáng tạo trong việc đánh giá đặc điểm, tính chất xã hội thuộc địa nfía phong kiến Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ XX, chỉ rõ những mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của dân tộc Việt Nam lúc đó, đặc biệt là việc đánh giá đúng đắn, sát thực thái độ các giai tầng xã hội đối với nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Tfi đó, các văn kiện đã xác định đường lối chiến lược và sách của cách mạng Việt Nam, đồng thời xác định phương pháp cách mạng, nhiệm vụ cách mạng và lực lượng của cách mạng để thực hiện đường lối chiến lược và sách lược đã đề ra.

Như vậy, trước yêu cầu của lịch sfí cách mạng Việt Nam cần phải thống nhất các tổ chfíc cộng sản trong nước, chấm dfít sự chia rẽ bất lợi cho cách mạng, với uy tín chính trị và phương thfíc hợp nhất phù hợp, Nguyễn Ái Quốc đã kịp thời triệu tập và chủ trì hợp nhất các tổ chfíc cộng sản. Những văn kiện được thông qua trong Hội nghị hợp nhất dù “vắt tắt”, nhưng đã phản ánh những vấn đề cơ bản trước mắt và lâu dài cho cách mạng Việt Nam, đưa cách mạng Việt Nam sang một trang sfí mới.

#### Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dfít sự khủng hoảng bế tắc về dường lối cfíu nước, đưa cách mạng Việt Nam sang một bước ngoặt lịch sfí vĩ đại: cách mạng Việt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tập 2, trang 4.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tập 2, trang 6.

Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản thế giới. Đó là kết quả của sự vận động phát triển và thống nhất của phong trào cách mạng trong cả nước, sự chuẩn bị tích cực, sáng tạo, bản lĩnh của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, sự đoàn kết, nhất trí của những chiến sĩ cách mạng tiên phong vì lợi ích của giai cấp và dân tộc.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đó cũng là kết quả của sự phát triển cao và thống nhất của phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam được soi sáng bởi chủ nghĩa Mác-Lênin. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: *Chủ nghĩa Mác-Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới viêch thành lập Đảng*, “Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sfí cách mạng Việt Nam ta. Nó chfíng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sfíc lãnh đạo cách mạng”[30](#_bookmark29).

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với Cương lĩnh chính trị đầu tiên được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng đã khẳng định lần đầu tiên cách mạng Việt Nam có một bản cương lĩnh chính trị phản ánh được quy luật khách quan của xã hội Việt Nam, đáp fíng những nhu cầu cơ bản và cấp bách của xã hội Việt Nam, phù hợp với xu thế của thời đại, định hướng chiến lược đúng đắn cho tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Đường lối đó là kết quả của sự vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam một cách đúng đắn, sáng tạo và có phát triển trong điều kiện lịch sfí mới.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam với Cương lĩnh chính trị đầu tiên đã khẳng định sự lựa chọn con đường cách mạng cho dân tộc Việt Nam-con đường cách mạng vô sản. Con đường duy nhất đúng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Sự lựa chọn con đường cách mạng vô sản phù hợp với nội dung và xu thế của thời đại mới được mở ra tfi Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại: “Đối với nước ta, không còn con đường nào khác để có độc lập dân tộc thật sự và tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Cần nhấn mạnh rằng đây là sự lựa chọn của chính lịch sfí, sự lựa chọn đã dfít khoát tfi năm 1930 với sự ra đời của Đảng ta”[31](#_bookmark30).

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sfí phát triển của dân tộc Việt Nam, trở thành nhân tố hàng đầu quyết định đưa cách mạng Việt Nam đi tfi thắng lợi này đến thắng lợi khác.

### Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền 1930-1945

#### Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932- 1935.

*Phong trào cách mạng năm 1930-1931 và Luận cương chính trị (10-1930)*

1. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 12, trang 406.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn* tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 51, trang 13-14.

Trong thời gian 1929-1933, khi Liên Xô đang đạt được những thành quả quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước, thì ở các nước tư bản chủ nghĩa diễn ra một cuộc khủng hoảng kinh tế trên qui mô lớn với những hậu quả nặng nề, làm cho những mâu thuẫn trong lòng xã hội tư bản phát triển gay gắt. Phong trào cách mạng thế giới dâng cao.

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 ảnh hưởng lớn đến các nước thuộc địa và phụ thuộc, làm cho mọi hoạt động sản xuất đình đốn. Ở Đông Dương, thực dân Pháp tăng cường bóc lột để bù đắp những hậu quả của cuộc khủng hoảng ở chính quốc, đồng thời tiến hành một chiến dịch khủng bố trắng nhằm đàn áp cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930). Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và tay sai càng phát triển gay gắt.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với hệ thống tổ chfíc thống nhất và cương lĩnh chính trị đúng đắn, nắm quyền lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam đã “lãnh đạo ngay một cuộc đấu tranh kịch liệt chống thực dân Pháp”[32](#_bookmark31).

Tfi tháng 1 đến tháng 4-1930, bãi công của công nhân nổ ra liên tiếp ở nhà máy xi măng Hải Phòng, hãng dầu Nhà Bè (Sài Gòn), các đồn điền Phú Riềng, Dầu Tiếng, nhà máy dệt Nam Định, nhà máy diêm và nhà máy cưa Bến Thủy… Phong trào đấu tranh của nông dân cũng diễn ra ở nhiều địa phương như Hà Nam, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh… Truyền đơn, cờ đỏ búa liềm xuất hiện trên các đường phố Hà Nội và nhiều địa phương.

Tfi tháng 5-1930, phong trào phát triển thành cao trào. Ngày 1-5-1930, nhân dân Việt Nam kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động với những hình thfíc đấu tranh phong phú. Riêng trong tháng 5-1930 đã nổ ra 16 cuộc bãi công của công nhân, 34 cuộc biểu tình của nông dân và 4 cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân thành thị. Tfi tháng 6 đến tháng 8-1930 đã nổ ra 121 cuộc đấu tranh, nổi bật nhất là cuộc tổng bãi công của công nhân khu công nghiệp Bến Thủy-Vinh (8-1930), đánh dấu “một thời kỳ mới, thời kỳ đấu tranh kịch liệt đã đến”[33](#_bookmark32).

Ở vùng nông thôn hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, nổ ra nhiều cuộc biểu tình lớn của nông dân. Tháng 9-1930, phong trào cách mạng phát triển đến đỉnh cao với những hình thfíc đấu tranh ngày càng quyết liệt. Cuộc biểu tình của nông dân Hưng Nguyên, ngày 12- 9-1930, bị máy bay Pháp ném bom giết chết 171 người. Như lfía đổ thêm dầu, phong trào cách mạng bùng lên dữ dội.

Trước sfíc mạnh của quần chúng, bộ máy chính quyền của đế quốc và tay sai ở nhiều nơi tan rã. Các tổ chfíc đảng lãnh đạo ban chấp hành nông hội ở thôn, xã đfíng ra quản lý mọi mặt đời sống xã hội ở nông thôn, thực hiện chuyên chính với kẻ thù, dân chủ với quần chúng nhân dân, làm chfíc năng, nhiệm vụ một chính quyền cách mạng dưới hình thfíc các uỷ ban tự quản theo kiểu Xô viết.